

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2007/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH****ban hành Quy chế quản lý sát hạch,  
cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và bãi bỏ Quyết định số 72/2005/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

Hồ Nghĩa Dũng

## QUY CHẾ

### Quản lý sát hạch,

### cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

(ban hành kèm theo Quyết định số 54/2007/QĐ-BGTVT

ngày 07 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sát hạch, cấp và sử dụng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Quy chế này không áp dụng đối với quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe của ngành Công an, Quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

##### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) là các loại xe di chuyển trên đường bộ bằng sức kéo của động cơ do người điều khiển bao gồm:

a) Mô tô hai hoặc ba bánh, xe máy, xích lô máy, xe lam ba bánh;

b) Ôtô các loại gồm ô tô con, ô tô tải, ô tô khách, ô tô chuyên dùng, ô tô kéo sơ mi rơ moóc;

c) Máy kéo bánh lốp và các loại ô tô cần cẩu bánh lốp tự hành trên đường bộ.

2. Giấy phép lái xe là chứng chỉ cấp cho người điều khiển xe cơ giới (người lái xe) để được phép lái một hoặc một số loại xe cơ giới.

3. Thời gian hành nghề lái xe là thời gian người có giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

4. Lái xe chuyên nghiệp là người lái xe sinh sống bằng nghề lái xe.

5. Lái xe không chuyên nghiệp là người lái xe không sinh sống bằng nghề lái xe.

#### Chương II

#### HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÁI XE

##### Điều 4. Phân hạng giấy phép lái xe

1. Hạng A1 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 50 cm<sup>3</sup> đến dưới 175 cm<sup>3</sup>.

2. Hạng A2 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh từ 175 cm<sup>3</sup> trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.

3. Hạng A3 cấp cho người lái xe để điều khiển xe mô tô ba bánh, bao gồm cả xe lam ba bánh, xích lô máy và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1.

4. Hạng A4 cấp cho người lái xe để điều khiển các loại máy kéo có trọng tải đến 1000 KG.

5. Hạng B1 cấp cho người lái xe không chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:

a) Ôtô chở người đến 9 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;

b) Ôtô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế dưới 3500 KG;

c) Máy kéo kéo một rơ moóc có trọng tải thiết kế dưới 3500 KG.

6. Hạng B2 cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:

a) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1;

b) Ôtô cần cầu bánh lốp có sức nâng thiết kế dưới 3500 KG.

7. Hạng C cấp cho người lái xe chuyên

ng nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:

a) Ôtô tải, kể cả ô tô tải chuyên dùng có trọng tải thiết kế từ 3500 KG trở lên;

b) Đầu kéo, máy kéo kéo một rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc có trọng tải thiết kế từ 3500 KG trở lên;

c) Ôtô cần cầu bánh lốp có sức nâng thiết kế từ 3500 KG trở lên;

d) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2.

8. Hạng D cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:

a) Ôtô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi, kể cả chỗ ngồi cho người lái xe;

b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2 và C.

9. Hạng E cấp cho người lái xe chuyên nghiệp để điều khiển các loại xe sau đây:

a) Ôtô chở người trên 30 chỗ ngồi;

b) Các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và D.

10. Hạng F cấp cho người đã có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E để điều khiển các loại xe tương ứng kéo rơ moóc có trọng tải thiết kế lớn hơn 750 KG, được quy định cụ thể như sau:

a) Hạng  $F_{B2}$  cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng B2 có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1 và hạng B2;

b) Hạng  $F_C$  cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng C có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C và hạng  $F_{B2}$ ;

c) Hạng  $F_D$  cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng D có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C,  $F_{B2}$  và hạng  $F_C$ ;

d) Hạng  $F_E$  cấp cho người lái xe ô tô được quy định tại giấy phép lái xe hạng E có kéo rơ moóc và được điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D,  $F_{B2}$ ,  $F_C$  và hạng  $F_D$ .

11. Người có giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C, D và E khi điều khiển các loại xe tương ứng được kéo thêm một rơ moóc có trọng tải thiết kế không quá 750 KG.

12. Chúng chi bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cấp cho người điều khiển các loại xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ có quy định riêng.

**Điều 5.** Thời hạn của giấy phép lái xe

1. Hạng A1, A2, A3: Không thời hạn.
2. Hạng A4, B1, B2: Có thời hạn 5 năm, kể từ ngày cấp.
3. Hạng C, D, E và các loại hạng F: Có thời hạn 3 năm, kể từ ngày cấp.

### Chương III SÁT HẠCH LÁI XE

**Điều 6.** Nội dung và quy trình sát hạch lái xe

1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải được thực hiện tại các Trung tâm sát hạch lái xe (sau đây gọi là Trung tâm sát hạch). Đối với sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe các hạng D, E thực hiện tập trung, định kỳ, có tổ chức giám sát chặt chẽ.

2. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định tại phần 2 Tiêu chuẩn ngành số 22 TCN 286-01 ban hành kèm theo Quyết định số 4392/2001/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện theo quy trình:

a) Sát hạch lý thuyết:

- Đối với các hạng A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F: Thực hiện trên máy vi tính.

- Đối với hạng A1: Thực hiện trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy vi tính.

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình:

- Đối với các hạng B1, B2, C, D, E: thực hiện sát hạch trong Trung tâm sát hạch có gắn thiết bị chấm điểm tự động, không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch.

- Đối với các hạng A1, A2 và các hạng F: Thực hiện sát hạch trong Trung tâm sát hạch hoặc sân sát hạch

c) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông công cộng: áp dụng đối với các hạng: A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F.

4. Cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn tổ chức thực hiện việc sát hạch cấp giấy phép lái xe theo quy định.

#### **Điều 7. Trung tâm sát hạch lái xe**

1. Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định phù hợp với quy hoạch và phân loại như sau:

a) Trung tâm sát hạch loại 1: Sát hạch cấp giấy phép lái xe tất cả các hạng;

b) Trung tâm sát hạch loại 2: Sát hạch cấp giấy phép lái xe đến hạng C;

c) Trung tâm sát hạch loại 3: Sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng từ A1 đến A4.

2. Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

a) Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động có hiệu lực trong thời hạn 5 năm. Trước khi giấy chứng nhận hết hiệu lực, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức kiểm tra theo tiêu chuẩn của Trung tâm sát hạch để cấp lại giấy chứng nhận;

b) Trong thời gian hoạt động, Cục Đường bộ Việt Nam kiểm tra đột xuất, hoặc định kỳ, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động; trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại Trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm của Trung tâm sát hạch:

a) Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị kiểm tra chấm điểm theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan; báo cáo về cơ quan quản lý chuyên ngành và Cục Đường bộ Việt Nam khi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch hoạt động không chính xác, không ổn định hoặc khi thay đổi thiết bị, phương tiện dùng cho sát hạch để xử lý kịp thời;

b) Phối hợp và tạo mọi điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch tổ chức sát hạch đúng kế hoạch, thuận tiện;

c) Chấp hành và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, kiểm chuẩn theo tiêu chuẩn của Trung tâm sát hạch lái xe;

d) Xây dựng kế hoạch thu, chi hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định;

đ) Thực hiện các dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Trung tâm sát hạch; công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ khác;

e) Bảo đảm an toàn cho các kỳ sát hạch lái xe; phối hợp các đơn vị, cơ quan liên quan giải quyết khi có các vụ việc xảy ra;

g) Lưu giữ hồ sơ sát hạch theo quy định.

4. Trung tâm sát hạch được nối mạng thông tin quản lý với các cơ quan quản lý sát hạch và các cơ sở đào tạo lái xe.

**Điều 8.** Điều kiện để được sát hạch lái xe

1. Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:

a) Đã tốt nghiệp khóa đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo (đối với sát hạch lái xe ô tô) theo chương trình quy định;

b) Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

c) Nộp đủ lệ phí sát hạch theo quy định;

d) Có tên trong danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo.

2. Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe:

a) Có các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có giấy xác nhận thời gian lái xe và số kilômét (km) lái xe an toàn theo giấy phép lái xe hiện có; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xác nhận thời gian hành nghề và số kilômét lái xe an toàn cho người lái xe và chịu trách nhiệm về sự xác nhận của mình. Trường hợp người lái xe chính là chủ xe hoặc xe của hộ gia đình thì có bản cam kết bảo đảm đủ thời gian hành nghề và số kilômét lái xe an toàn. Riêng giấy phép lái xe hạng B1 đề nghị nâng hạng lên hạng B2 do người lái xe tự khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian lái xe và số km lái xe an toàn.

3. Đối với thí sinh vắng mặt hoặc trượt tại kỳ sát hạch trước, ngoài điều kiện theo quy định như trên phải có biên bản xác nhận của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước. Thí sinh sát hạch lại được quyền bảo lưu một lần đối với nội dung

sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình đã đạt yêu cầu.

**Điều 9.** Hồ sơ sát hạch cấp giấy phép lái xe

1. Sát hạch lần đầu:

a) Đơn đề nghị sát hạch cấp giấy phép lái xe;

b) Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu;

c) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

d) Chứng chỉ nghề hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo hoặc nâng hạng giấy phép lái xe, trừ giấy phép lái xe các hạng A1, A2;

đ) Xác nhận về thời gian và kilômét lái xe an toàn đối với sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe.

2. Sát hạch lại:

Ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cần bổ sung:

a) Biên bản xác nhận kết quả kỳ sát hạch trước đó đối với trường hợp sát hạch không đạt;

b) Quyết định tước quyền sử dụng giấy phép lái xe (hoặc thu hồi giấy phép lái xe) và hồ sơ gốc.

**Điều 10.** Chuẩn bị kỳ sát hạch

Ban quản lý sát hạch có các nhiệm vụ sau đây:

1. Đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A2:

a) Tiếp nhận danh sách học viên đề nghị sát hạch;

b) Rà soát danh sách thí sinh dự sát hạch theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

c) Trình Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch.

2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F:

a) Tiếp nhận báo cáo danh sách học viên, dự kiến lịch sát hạch và thông báo cho cơ sở đào tạo;

b) Rà soát danh sách thí sinh dự sát hạch theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

c) Trình Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch.

**Điều 11.** Hội đồng sát hạch

1. Hội đồng sát hạch do Cục trưởng

Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính thành lập.

Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng. Kết thúc kỳ sát hạch Hội đồng sát hạch tự giải thể.

2. Thành phần của Hội đồng sát hạch bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Đại diện Ban quản lý sát hạch hoặc người được Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ủy quyền.

b) Phó Chủ tịch hội đồng:

- Cán bộ Cảnh sát giao thông có thẻ sát hạch viên (thực hiện khi có Thông tư liên tịch của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Công an);

- Thủ trưởng Cơ sở đào tạo lái xe;

c) Các ủy viên:

- Giám đốc Trung tâm sát hạch;

- Tổ trưởng tổ sát hạch;

- Đại diện của Ban quản lý sát hạch của Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính (ủy viên thư ký).

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch:

a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

b) Phân công và sắp xếp lịch sát hạch;

c) Phổ biến, hướng dẫn quy chế, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và thí sinh;

d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;

đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy chế sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;

e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và thí sinh giải quyết bồi thường nếu để xảy ra tai nạn trong quá trình sát hạch (nếu lỗi do thí sinh gây ra) lái xe trong hình;

g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;

h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại Cơ sở đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe và Ban quản lý sát hạch.

## **Điều 12. Tổ sát hạch**

### **1. Tổ sát hạch**

a) Tổ sát hạch do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính thành lập;



b) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2 chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban quản lý sát hạch;

c) Kết thúc kỳ sát hạch Tổ sát hạch tự giải thể.

2. Thành viên của Tổ sát hạch gồm: Tổ trưởng và các sát hạch viên, là công chức của Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính.

3. Tiêu chuẩn của sát hạch viên:

a) Có tư cách đạo đức tốt;

b) Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

c) Đã có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 3 năm;

d) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên.

4. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch:

a) Kiểm tra phương tiện, dụng cụ, thiết bị chấm điểm, trường thi, phương án bảo vệ và đảm bảo an toàn giao thông;

b) Kiểm tra thí sinh trong việc chấp hành quy định và nội quy sát hạch;

c) Sát hạch thí sinh theo nội dung và quy trình quy định;

d) Lập biên bản, xử lý các trường hợp

vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo đề Hội đồng sát hạch giải quyết;

đ) Chấm thi, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Ban quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2) để giải quyết;

e) Các sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chấm thi. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm chung về kết quả kỳ sát hạch;

g) Khi thi hành nhiệm vụ sát hạch viên phải mặc đồng phục theo quy định.

### **Điều 13. Tổ chức sát hạch**

1. Phổ biến nội quy và nội dung có liên quan của kỳ sát hạch.

2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.

3. Bàn giao toàn bộ hồ sơ, biên bản kết quả kỳ sát hạch cho Ban quản lý sát hạch.

### **Điều 14. Giám sát kỳ sát hạch**

1. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Đường bộ Việt Nam, các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính tổ chức giám sát thường xuyên, đột xuất các kỳ sát hạch.

2. Cán bộ giám sát các kỳ sát hạch là Thanh tra viên giao thông đường bộ

thuộc Thanh tra Cục Đường bộ Việt Nam, Thanh tra các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, có hiểu biết về công tác đào tạo, sát hạch lái xe; có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan. Số lượng cán bộ sát hạch đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 2 người, sát hạch lái xe ô tô là 3 người, trong đó cử một người làm tổ trưởng.

### 3. Nhiệm vụ của Tổ giám sát

a) Giám sát việc thực hiện nội dung, trình tự sát hạch của Tổ sát hạch, bảo đảm sát hạch đúng đối tượng, không có sự can thiệp của con người vào kết quả sát hạch của tất cả các khâu sát hạch;

b) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không can thiệp, không làm thay nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch;

c) Mặc trang phục thanh tra khi làm nhiệm vụ.

### 4. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính để xem xét xử lý.

5. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát phải báo cáo bằng văn bản

kết quả giám sát với Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính.

### Điều 15. Công nhận kết quả sát hạch

Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.

## Chương IV

### QUẢN LÝ, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

#### Điều 16. Mẫu Giấy phép lái xe

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải duyệt mẫu giấy phép lái xe.

2. Cục Đường bộ Việt Nam in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

**Điều 17. Cơ quan quản lý sát hạch, cấp và đổi giấy phép lái xe**

1. Phòng Quản lý phương tiện và người lái của Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý sát hạch cấp Cục.

2. Phòng Quản lý phương tiện và người lái hoặc phòng được giao chức năng quản lý phương tiện và người lái của các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý sát hạch cấp Sở.

**Điều 18.** Nhiệm vụ của Ban quản lý sát hạch cấp Cục

1. Nghiên cứu xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về sát hạch cấp giấy phép lái xe để Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam trình cấp có thẩm quyền ban hành; tham mưu cho Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện trong toàn quốc.

2. Nghiên cứu hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý nghiệp vụ và các ấn chỉ chuyên ngành phục vụ tổ chức và quản lý công tác sát hạch cấp giấy phép lái xe, trình cấp có thẩm quyền ký ban hành áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

3. Tổ chức nghiên cứu chương trình ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ tổ chức, quản lý công tác sát hạch cấp giấy phép lái xe; thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối Ban quản lý sát hạch cấp Cục với các Trung tâm sát hạch và Ban quản lý sát hạch cấp Sở.

4. Tham mưu cho Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam:

a) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn các thiết bị, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các Trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Ban quản lý sát hạch cấp Sở;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý đội ngũ sát hạch viên thuộc Ban quản lý sát hạch cấp Cục;

d) Tổ chức sát hạch cấp giấy phép lái xe đối với các học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý;

đ) Xây dựng chương trình, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ cho đội ngũ cán bộ sát hạch lái xe trong cả nước.

5. Tổ chức cấp và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe thuộc các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và các tổ chức quốc tế, ngoại giao đóng tại Hà Nội.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch cấp giấy phép lái xe do Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam phân công.

**Điều 19.** Nhiệm vụ của Ban quản lý sát hạch cấp Sở

1. Tham mưu cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính trong việc:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch cấp giấy phép lái xe;

b) Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý đội ngũ sát hạch viên thuộc Ban quản lý sát hạch cấp Sở;

c) Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của Trung tâm sát hạch thuộc địa phương;

d) Triển khai nổi mạng thông tin với Trung tâm sát hạch và với Cục Đường bộ Việt Nam;

đ) Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở quản lý. Trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại Trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì trên cơ sở định hướng quy hoạch đã được ban hành, Ban quản lý sát hạch cấp Sở và Trung tâm sát hạch lái xe có kế hoạch để tổ chức sát hạch phù hợp.

2. Tổ chức cấp và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe thuộc quản lý của địa phương, trừ các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy chế này.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính phân công.

#### **Điều 20. Sử dụng Giấy phép lái xe**

1. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe quy định đã ghi trong giấy phép lái xe.

2. Giấy phép lái xe phải được mang theo người khi lái xe.

3. Giấy phép lái xe có thể bị thu hồi theo quy định hiện hành của Chính phủ;

4. Người có giấy phép lái xe không chuyên nghiệp muốn lái xe chuyên nghiệp và người có nhu cầu nâng hạng giấy phép lái xe phải dự khóa đào tạo và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe mới.

5. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có giấy phép lái xe không do Việt Nam cấp nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

6. Giấy phép lái xe hạng A1, A2 do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995, bằng lái xe và giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp còn thời hạn được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe.

7. Người giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe hoặc có hành vi cố tình gian dối khác, trong quá trình làm thủ tục đổi hoặc đề nghị cấp lại giấy phép lái xe, khi kiểm tra phát hiện sẽ bị các cơ quan quản

lý giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe.

8. Trường hợp người có giấy phép lái xe chuyên vùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, cơ quan cấp giấy phép lái xe nơi người lái xe chuyển đến làm thủ tục ghi nhận để theo dõi, quản lý. Giấy phép lái xe chuyển đến được tiếp tục sử dụng trong thời hạn quy định.

#### **Điều 21: Cấp mới Giấy phép lái xe**

1. Căn cứ Quyết định công nhận trúng tuyển, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính cấp giấy phép lái xe cho thí sinh.

2. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc sau khi có quyết định trúng tuyển.

#### **Điều 22. Đổi Giấy phép lái xe**

1. Trong thời hạn 60 ngày trước khi giấy phép lái xe hết hạn, người có giấy phép lái xe có nhu cầu tiếp tục sử dụng giấy phép lái xe làm đơn đề nghị đổi kèm theo giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, gửi đến cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe để được xét cấp lại giấy phép lái xe.

2. Người có giấy phép lái xe đã hết

hạn nhưng chưa quá một tháng kể từ ngày hết hạn, có đủ hồ sơ gốc thì được xét đổi giấy phép lái xe.

3. Người có giấy phép lái xe bị hỏng có đủ hồ sơ gốc thì được xét đổi giấy phép lái xe.

4. Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam, 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo quy định, được xét cấp lại giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.

5. Giấy phép lái xe được đổi chậm nhất là 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Khi đổi giấy phép lái xe thì cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải cắt góc giấy phép lái xe cũ.

#### **Điều 23. Cấp lại Giấy phép lái xe**

1. Người có giấy phép lái xe đã hết hạn quá từ một tháng trở lên nhưng chưa quá 6 tháng, kể từ ngày hết hạn, có đủ hồ sơ gốc, thì được dự sát hạch lại lý thuyết để được cấp giấy phép lái xe mới.

2. Người có giấy phép lái xe đã hết hạn quá từ 6 tháng trở lên, kể từ ngày hết hạn, có đủ hồ sơ gốc, thì được dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe mới.

3. Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng và còn hồ sơ gốc, nếu bị mất trong các trường hợp thiên tai như bão lụt, động đất hoặc bị hỏa hoạn, có

xác nhận của chính quyền địa phương; bị cướp, trộm cắp, mất trộm có xác nhận rõ vụ việc của cơ quan công an, cơ quan quản lý giấy phép lái xe không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được xét cấp lại giấy phép lái xe.

Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng và còn hồ sơ gốc, nếu bị mất ngoài các trường hợp trên, không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 2 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì được dự sát hạch lại lý thuyết để được cấp giấy phép lái xe.

4. Người bị thu hồi giấy phép lái xe không thời hạn, sau thời hạn 1 năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi (hoặc tước quyền sử dụng giấy phép lái xe không thời hạn), nếu có nhu cầu, được dự học lại Luật giao thông đường bộ, đạo đức người lái xe, được kiểm tra và có chứng nhận của cơ sở đào tạo đã hoàn thành nội dung học và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì được dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe.

5. Giấy phép lái xe quá hạn bị mất, còn hồ sơ gốc, không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, sau 2 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì được dự sát hạch lại cả

lý thuyết và thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe.

6. Giấy phép lái xe quá hạn bị mất, không còn hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch của địa phương, có xác nhận của cơ sở đào tạo nơi đã dự học, không phát hiện đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 12 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì được dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để được cấp lại giấy phép lái xe.

7. Thời hạn cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới. Khi cấp lại giấy phép lái xe thì cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải cắt góc giấy phép lái xe cũ.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 24.** Báo cáo về công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe

Hàng năm, vào tháng 01 và tháng 7, các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính sơ kết, tổng kết công tác sát hạch cấp giấy phép lái xe của địa phương, gửi báo cáo về Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 25.** Hướng dẫn tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này. kiểm tra các hoạt động về sát hạch cấp giấy phép lái xe trong phạm vi được phân công./.

2. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức và thường xuyên

**BỘ TRƯỞNG**

**Hồ Nghĩa Dũng**